



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

BẢO HIỂM TRỌN VỆ CÂN BẰNG

Linh hoạt cân bằng bảo vệ & tích lũy trọn đời

Số tiền bảo hiểm **1.000.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **20.000.000 đồng/năm**

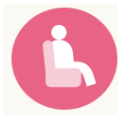
BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



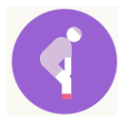
Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **250.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.000.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.000.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.



Nhận thêm **150.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.

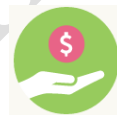


Nhận thêm **1.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **2.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



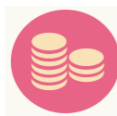
Có thể đầu tư thêm lên đến **100.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



Linh hoạt rút tiền cho các chi tiêu ngắn hạn
Linh hoạt đóng phí từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm	Họ và tên Cô Học	Giới tính Nữ	Tuổi 30	Nghề nghiệp Văn Phòng
------------------	---------------------	-----------------	------------	--------------------------

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm	Đơn vị: đồng			
									Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
<i>Sản phẩm chính</i> Bảo Hiểm Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Cô Học	30	Nữ	Văn Phòng	70	70	1.000.000.000	20.000.000				
<i>Sản phẩm bổ sung</i> ---Chưa tham gia bảo hiểm bổ sung---												

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ	20.000.000	10.000.000	5.000.000	-
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ	20.000.000	10.000.000	5.000.000	-

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 21
Phiên bản
Dãy số kiểm tra

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Lưu ý:

- Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ, (ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ (nếu có), (iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính sẽ được tính là Phí đóng thêm nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của Năm hợp đồng hiện hành và tất cả khoản phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có), được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó
- Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng thời hạn bảo hiểm. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng sẽ được đảm bảo không mất hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Việc lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ có thể được thực hiện từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm. Khách hàng cần đóng phí đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của hợp đồng, nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí và gia tăng giá trị tài khoản hợp đồng (GTTK).
- Sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có tham gia): Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của người được bảo hiểm, do đó phí bảo hiểm hàng năm cũng có thể thay đổi. Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung cần được đóng đầy đủ. Nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung thì phần phí này sẽ được rút từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm chính từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi để đóng phí. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung và khách hàng không đóng phí của sản phẩm bổ sung trong thời hạn gia hạn, sản phẩm bổ sung sẽ mất hiệu lực.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																	
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu đóng thêm vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1" data-bbox="629 427 1854 523"> <thead> <tr> <th>Năm hợp đồng</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6 đến 10</th> <th>11+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> </tr> </tbody> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn. 	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11+	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11+										
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%										
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn. 																
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Một khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: <ol style="list-style-type: none"> 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. <p>Điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng. 																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 21
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)

Bệnh Ung thư	Nhận 250.000.000 đồng khi mắc Ung thư nghiêm trọng.
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến 1.000.000.000 đồng .
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.000.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.000.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Không hút thuốc lá	Nhận thêm 150.000.000 đồng nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến <ul style="list-style-type: none">1.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn; hoặc2.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được hưởng theo sản phẩm này như sau:	<ul style="list-style-type: none">Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: tối đa là 10 tỷ đồng.Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: tối đa là 10 tỷ đồng. Các hạn mức nêu trên có thể tăng lên tại thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm.
---	--

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Thay đổi STBH	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi đạt 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thâm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm
Thay đổi phí bảo hiểm	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm phí bảo hiểm cơ bản kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi nếu đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty tại từng thời điểm.
Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none">Kể từ ngày Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi, Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm từ Quyền lợi cơ bản sang Quyền lợi nâng cao, với điều kiện Tuổi của Người được bảo hiểm vào Ngày có hiệu lực của hợp đồng là dưới 18 tuổi, và chưa đạt 35 tuổi tại thời điểm yêu cầu chuyển đổi.Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm duy nhất một lần trong suốt thời hạn hợp đồng.Việc chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi yêu cầu chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm được Công Ty chấp thuận. Chi phí bảo hiểm rủi ro và các điều kiện khác sẽ được điều chỉnh tương ứng.
Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)	Kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi NĐBH đạt 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính và tối đa 2 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Để được hưởng quyền lợi này, Người được bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi) được quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
Rút tiền từ Giá trị tài khoản	<ul style="list-style-type: none">GTTK cơ bản: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.GTTK đóng thêm: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 100% bất kỳ lúc nào.Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NDBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1"><thead><tr><th>Năm đóng phí</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4+</th></tr></thead><tbody><tr><td>Phí bảo hiểm cơ bản</td><td>85%</td><td>80%</td><td>35%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí đóng thêm</td><td colspan="4">0%</td></tr></tbody></table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHĐ)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1"><thead><tr><th>Năm dương lịch</th><th>2021 - 2024</th><th>2025 - 2029</th><th>2030 - 2034</th><th>Từ năm 2035 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>30</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></tbody></table>	Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	30	20.000			17.360	2.756	1.000.000				
2	31	20.000			16.360	2.773	1.000.000		865	865	
3	32	20.000			7.360	2.765	1.000.000		11.106	11.106	
4	33	20.000			430	2.726	1.000.000		28.538	28.538	
5	34	20.000			480	2.772	1.000.000	2.500	48.722	48.722	
6	35	20.000			480	2.844	1.000.000	2.500	68.902	68.902	
7	36	20.000			480	2.928	1.000.000	2.500	89.300	89.300	
8	37	20.000			480	3.005	1.000.000	2.500	109.927	109.927	
9	38	20.000			550	3.083	1.000.000	2.500	130.713	130.713	
10	39	20.000			600	3.188	1.000.000	3.000	152.156	152.156	
11	40	20.000			600	3.299	1.000.000	3.000	172.957	172.957	
12	41	20.000			600	3.410	1.000.000	3.000	193.855	193.855	
13	42	20.000			600	3.503	1.000.000	3.000	214.869	214.869	
14	43	20.000			670	3.616	1.000.000	3.000	235.909	235.909	
15	44	20.000			720	3.718	1.000.000	3.000	257.006	257.006	
16	45	20.000			720	3.844	1.000.000	3.000	278.188	278.188	
17	46	20.000			720	4.019	1.000.000	3.000	299.404	299.404	
18	47	20.000			720	4.143	1.000.000	3.000	320.709	320.709	
19	48	20.000			720	4.284	1.000.000	3.000	342.085	342.085	
20	49	20.000			720	4.554	1.000.000	3.000	363.403	363.403	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	50	20.000			720	4.791	1.000.000	3.000	384.696		384.696
22	51	20.000			720	4.984	1.000.000	3.000	406.009		406.009
23	52	20.000			720	5.439	1.000.000	3.000	427.076		427.076
24	53	20.000			720	5.733	1.000.000	3.000	448.059		448.059
25	54	20.000			720	6.258	1.000.000	3.000	468.724		468.724
26	55	20.000			720	6.621	1.000.000	3.000	489.231		489.231
27	56	20.000			720	6.937	1.000.000	3.000	509.624		509.624
28	57	20.000			720	7.592	1.000.000	3.000	529.564		529.564
29	58	20.000			720	7.895	1.000.000	3.000	549.397		549.397
30	59	20.000			720	8.342	1.000.000	3.000	568.980		568.980
31	60	20.000			720	8.587	1.000.000	3.000	588.512		588.512
32	61	20.000			720	8.675	1.000.000	3.000	608.152		608.152
33	62	20.000			720	8.952	1.000.000	3.000	627.709		627.709
34	63	20.000			720	8.891	1.000.000	3.000	647.523		647.523
35	64	20.000			720	8.942	1.000.000	3.000	667.483		667.483
36	65	20.000			720	11.662	1.000.000	3.000	684.909		684.909
37	66	20.000			720	11.991	1.000.000	3.000	702.179		702.179
38	67	20.000			720	11.776	1.000.000	3.000	719.838		719.838
39	68	20.000			720	11.136	1.000.000	3.000	738.316		738.316
40	69	20.000			720	11.168	1.000.000	3.000	756.948		756.948

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	70	20.000			720	11.335	1.000.000	3.000	775.597		775.597
42	71	20.000			720	13.166	1.000.000	3.000	792.592		792.592
43	72	20.000			720	13.129	1.000.000	3.000	809.794		809.794
44	73	20.000			720	12.953	1.000.000	3.000	827.345		827.345
45	74	20.000			720	12.655	1.000.000	3.000	845.372		845.372
46	75	20.000			720	9.332	1.000.000	3.000	866.919		866.919
47	76	20.000			720	5.585	1.000.000	3.000	892.449		892.449
48	77	20.000			720	2.727	1.000.000	3.000	921.107		921.107
49	78	20.000			720	1.912	1.000.000	3.000	950.872		950.872
50	79	20.000			720	935	1.000.000	3.000	981.916		981.916
51	80	20.000			720		1.014.212	3.000	1.014.212		1.014.212
52	81	20.000			720		1.046.830	3.000	1.046.830		1.046.830
53	82	20.000			720		1.079.774	3.000	1.079.774		1.079.774
54	83	20.000			720		1.113.048	3.000	1.113.048		1.113.048
55	84	20.000			720		1.146.655	3.000	1.146.655		1.146.655
56	85	20.000			720		1.180.597	3.000	1.180.597		1.180.597
57	86	20.000			720		1.214.880	3.000	1.214.880		1.214.880
58	87	20.000			720		1.249.504	3.000	1.249.504		1.249.504
59	88	20.000			720		1.284.476	3.000	1.284.476		1.284.476
60	89	20.000			720		1.319.796	3.000	1.319.796		1.319.796

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	90	20.000			720		1.355.471	3.000	1.355.471		1.355.471
62	91	20.000			720		1.391.501	3.000	1.391.501		1.391.501
63	92	20.000			720		1.427.892	3.000	1.427.892		1.427.892
64	93	20.000			720		1.464.647	3.000	1.464.647		1.464.647
65	94	20.000			720		1.501.770	3.000	1.501.770		1.501.770
66	95	20.000			720		1.539.264	3.000	1.539.264		1.539.264
67	96	20.000			720		1.577.133	3.000	1.577.133		1.577.133
68	97	20.000			720		1.615.380	3.000	1.615.380		1.615.380
69	98	20.000			720		1.654.010	3.000	1.654.010		1.654.010
70	99	20.000			720		1.693.026	3.000	1.693.026		1.693.026

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	30	20.000			17.360	2.756	1.000.000				
2	31	20.000			16.360	2.773	1.000.000		931		931
3	32	20.000			7.360	2.764	1.000.000		11.420		11.420
4	33	20.000			430	2.724	1.000.000		29.753		29.753
5	34	20.000			480	2.766	1.000.000	2.500	51.407		51.407
6	35	20.000			480	2.832	1.000.000	2.500	74.076		74.076
7	36	20.000			480	2.906	1.000.000	2.500	97.802		97.802
8	37	20.000			480	2.970	1.000.000	2.500	122.650		122.650
9	38	20.000			550	3.030	1.000.000	2.500	148.607		148.607
10	39	20.000			600	3.110	1.000.000	3.000	176.228		176.228
11	40	20.000			600	3.189	1.000.000	3.000	205.149		205.149
12	41	20.000			600	3.256	1.000.000	3.000	235.446		235.446
13	42	20.000			600	3.296	1.000.000	3.000	267.218		267.218
14	43	20.000			670	3.343	1.000.000	3.000	300.459		300.459
15	44	20.000			720	3.364	1.000.000	3.000	335.288		335.288
16	45	20.000			720	3.391	1.000.000	3.000	371.830		371.830
17	46	20.000			720	3.439	1.000.000	3.000	410.150		410.150
18	47	20.000			720	3.417	1.000.000	3.000	450.408		450.408
19	48	20.000			720	3.381	1.000.000	3.000	492.718		492.718
20	49	20.000			720	3.406	1.000.000	3.000	537.116		537.116

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	50	20.000			720	3.354	1.000.000	3.000	583.788		583.788
22	51	20.000			720	3.214	1.000.000	3.000	632.937		632.937
23	52	20.000			720	3.161	1.000.000	3.000	684.598		684.598
24	53	20.000			720	2.910	1.000.000	3.000	739.098		739.098
25	54	20.000			720	2.645	1.000.000	3.000	796.596		796.596
26	55	20.000			720	2.149	1.000.000	3.000	857.478		857.478
27	56	20.000			720	1.462	1.000.000	3.000	922.108		922.108
28	57	20.000			720	599	1.000.000	3.000	990.856		990.856
29	58	20.000			720		1.063.660	3.000	1.063.660		1.063.660
30	59	20.000			720		1.140.103	3.000	1.140.103		1.140.103
31	60	20.000			720		1.220.369	3.000	1.220.369		1.220.369
32	61	20.000			720		1.304.648	3.000	1.304.648		1.304.648
33	62	20.000			720		1.393.141	3.000	1.393.141		1.393.141
34	63	20.000			720		1.486.059	3.000	1.486.059		1.486.059
35	64	20.000			720		1.583.623	3.000	1.583.623		1.583.623
36	65	20.000			720		1.686.065	3.000	1.686.065		1.686.065
37	66	20.000			720		1.793.628	3.000	1.793.628		1.793.628
38	67	20.000			720		1.906.570	3.000	1.906.570		1.906.570
39	68	20.000			720		2.025.160	3.000	2.025.160		2.025.160
40	69	20.000			720		2.149.678	3.000	2.149.678		2.149.678
41	70	20.000			720		2.280.423	3.000	2.280.423		2.280.423

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
42	71	20.000			720		2.417.705	3.000	2.417.705		2.417.705
43	72	20.000			720		2.561.851	3.000	2.561.851		2.561.851
44	73	20.000			720		2.713.204	3.000	2.713.204		2.713.204
45	74	20.000			720		2.872.125	3.000	2.872.125		2.872.125
46	75	20.000			720		3.038.991	3.000	3.038.991		3.038.991
47	76	20.000			720		3.214.202	3.000	3.214.202		3.214.202
48	77	20.000			720		3.398.172	3.000	3.398.172		3.398.172
49	78	20.000			720		3.591.342	3.000	3.591.342		3.591.342
50	79	20.000			720		3.794.169	3.000	3.794.169		3.794.169
51	80	20.000			720		4.007.138	3.000	4.007.138		4.007.138
52	81	20.000			720		4.230.756	3.000	4.230.756		4.230.756
53	82	20.000			720		4.465.554	3.000	4.465.554		4.465.554
54	83	20.000			720		4.712.093	3.000	4.712.093		4.712.093
55	84	20.000			720		4.970.958	3.000	4.970.958		4.970.958
56	85	20.000			720		5.242.767	3.000	5.242.767		5.242.767
57	86	20.000			720		5.528.166	3.000	5.528.166		5.528.166
58	87	20.000			720		5.827.835	3.000	5.827.835		5.827.835
59	88	20.000			720		6.142.487	3.000	6.142.487		6.142.487
60	89	20.000			720		6.472.872	3.000	6.472.872		6.472.872
61	90	20.000			720		6.819.776	3.000	6.819.776		6.819.776
62	91	20.000			720		7.184.026	3.000	7.184.026		7.184.026

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
63	92	20.000			720		7.566.488	3.000	7.566.488		7.566.488
64	93	20.000			720		7.968.073	3.000	7.968.073		7.968.073
65	94	20.000			720		8.389.737	3.000	8.389.737		8.389.737
66	95	20.000			720		8.832.484	3.000	8.832.484		8.832.484
67	96	20.000			720		9.297.369	3.000	9.297.369		9.297.369
68	97	20.000			720		9.785.498	3.000	9.785.498		9.785.498
69	98	20.000			720		10.298.034	3.000	10.298.034		10.298.034
70	99	20.000			720		10.836.196	3.000	10.836.196		10.836.196

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	30	20.000			17.360	2.756	1.000.000				
2	31	20.000			16.360	2.773	1.000.000		968		968
3	32	20.000			7.360	2.764	1.000.000		11.582		11.582
4	33	20.000			430	2.723	1.000.000		30.223		30.223
5	34	20.000			480	2.764	1.000.000	2.500	52.388		52.388
6	35	20.000			480	2.828	1.000.000	2.500	75.816		75.816
7	36	20.000			480	2.899	1.000.000	2.500	100.577		100.577
8	37	20.000			480	2.958	1.000.000	2.500	126.763		126.763
9	38	20.000			550	3.012	1.000.000	2.500	154.392		154.392
10	39	20.000			600	3.085	1.000.000	3.000	184.052		184.052
11	40	20.000			600	3.153	1.000.000	3.000	215.421		215.421
12	41	20.000			600	3.207	1.000.000	3.000	248.616		248.616
13	42	20.000			600	3.230	1.000.000	3.000	283.779		283.779
14	43	20.000			670	3.256	1.000.000	3.000	320.954		320.954
15	44	20.000			720	3.252	1.000.000	3.000	360.311		360.311
16	45	20.000			720	3.246	1.000.000	3.000	402.036		402.036
17	46	20.000			720	3.251	1.000.000	3.000	446.258		446.258
18	47	20.000			720	3.180	1.000.000	3.000	493.207		493.207
19	48	20.000			720	3.081	1.000.000	3.000	543.076		543.076
20	49	20.000			720	3.019	1.000.000	3.000	596.000		596.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	50	20.000			720	2.863	1.000.000	3.000	652.260		652.260
22	51	20.000			720	2.601	1.000.000	3.000	712.166		712.166
23	52	20.000			720	2.360	1.000.000	3.000	775.915		775.915
24	53	20.000			720	1.902	1.000.000	3.000	843.962		843.962
25	54	20.000			720	1.334	1.000.000	3.000	916.677		916.677
26	55	20.000			720	498	1.000.000	3.000	994.617		994.617
27	56	20.000			720		1.077.751	3.000	1.077.751		1.077.751
28	57	20.000			720		1.165.872	3.000	1.165.872		1.165.872
29	58	20.000			720		1.259.281	3.000	1.259.281		1.259.281
30	59	20.000			720		1.358.295	3.000	1.358.295		1.358.295
31	60	20.000			720		1.463.250	3.000	1.463.250		1.463.250
32	61	20.000			720		1.574.502	3.000	1.574.502		1.574.502
33	62	20.000			720		1.692.428	3.000	1.692.428		1.692.428
34	63	20.000			720		1.817.431	3.000	1.817.431		1.817.431
35	64	20.000			720		1.949.934	3.000	1.949.934		1.949.934
36	65	20.000			720		2.090.386	3.000	2.090.386		2.090.386
37	66	20.000			720		2.239.266	3.000	2.239.266		2.239.266
38	67	20.000			720		2.397.079	3.000	2.397.079		2.397.079
39	68	20.000			720		2.564.361	3.000	2.564.361		2.564.361
40	69	20.000			720		2.741.679	3.000	2.741.679		2.741.679

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	70	20.000			720		2.929.637	3.000	2.929.637		2.929.637
42	71	20.000			720		3.128.872	3.000	3.128.872		3.128.872
43	72	20.000			720		3.340.061	3.000	3.340.061		3.340.061
44	73	20.000			720		3.563.921	3.000	3.563.921		3.563.921
45	74	20.000			720		3.801.213	3.000	3.801.213		3.801.213
46	75	20.000			720		4.052.743	3.000	4.052.743		4.052.743
47	76	20.000			720		4.319.364	3.000	4.319.364		4.319.364
48	77	20.000			720		4.601.983	3.000	4.601.983		4.601.983
49	78	20.000			720		4.901.559	3.000	4.901.559		4.901.559
50	79	20.000			720		5.219.109	3.000	5.219.109		5.219.109
51	80	20.000			720		5.555.713	3.000	5.555.713		5.555.713
52	81	20.000			720		5.912.512	3.000	5.912.512		5.912.512
53	82	20.000			720		6.290.720	3.000	6.290.720		6.290.720
54	83	20.000			720		6.691.620	3.000	6.691.620		6.691.620
55	84	20.000			720		7.116.574	3.000	7.116.574		7.116.574
56	85	20.000			720		7.567.025	3.000	7.567.025		7.567.025
57	86	20.000			720		8.044.503	3.000	8.044.503		8.044.503
58	87	20.000			720		8.550.630	3.000	8.550.630		8.550.630
59	88	20.000			720		9.087.125	3.000	9.087.125		9.087.125
60	89	20.000			720		9.655.809	3.000	9.655.809		9.655.809

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	90	20.000			720		10.258.615	3.000	10.258.615		10.258.615
62	91	20.000			720		10.897.588	3.000	10.897.588		10.897.588
63	92	20.000			720		11.574.900	3.000	11.574.900		11.574.900
64	93	20.000			720		12.292.851	3.000	12.292.851		12.292.851
65	94	20.000			720		13.053.879	3.000	13.053.879		13.053.879
66	95	20.000			720		13.860.569	3.000	13.860.569		13.860.569
67	96	20.000			720		14.715.659	3.000	14.715.659		14.715.659
68	97	20.000			720		15.622.056	3.000	15.622.056		15.622.056
69	98	20.000			720		16.582.836	3.000	16.582.836		16.582.836
70	99	20.000			720		17.601.263	3.000	17.601.263		17.601.263

Lưu ý chung:

- Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.
- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



6. Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.

Bảng minh họa mẫu

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo Hiểm Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất đóng thêm vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu trong những năm hợp đồng đầu tiên lần lượt là 3,5%/năm; 3,0%/năm; 3,0%/năm; 2,0%/năm; 2,0%/năm; từ năm 6 đến năm 10 là 1,5%/năm; và bằng 1,0%/năm từ năm hợp đồng thứ 11 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng **Bảo Hiểm Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi phí bảo hiểm cơ bản sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo Hiểm Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi đảm bảo	Giá trị tài khoản minh họa tại các mức lãi suất					
				Tại mức lãi suất cam kết		Tại mức lãi suất 5%/năm		Tại mức lãi suất 6%/năm	
				Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng
1	30	20.000							
2	31	20.000		865		931		968	
3	32	20.000		11.106		11.420		11.582	
4	33	20.000		28.538		29.753		30.223	
5	34	20.000	2.500	48.722		51.407		52.388	
6	35	20.000	2.500	68.902		74.076		75.816	
7	36	20.000	2.500	89.300		97.802		100.577	
8	37	20.000	2.500	109.927		122.650		126.763	
9	38	20.000	2.500	130.713		148.607		154.392	
10	39	20.000	3.000	152.156		176.228		184.052	
11	40	20.000	3.000	172.957		205.149		215.421	
12	41	20.000	3.000	193.855		235.446		248.616	
13	42	20.000	3.000	214.869		267.218		283.779	
14	43	20.000	3.000	235.909		300.459		320.954	
15	44	20.000	3.000	257.006		335.288		360.311	
16	45	20.000	3.000	278.188		371.830		402.036	
17	46	20.000	3.000	299.404		410.150		446.258	
18	47			297.386		426.280		468.878	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 1 | 5
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi đảm bảo	Giá trị tài khoản minh họa tại các mức lãi suất					
				Tại mức lãi suất cam kết		Tại mức lãi suất 5%/năm		Tại mức lãi suất 6%/năm	
				Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng
19	48			295.044		443.082		492.781	
20	49			292.207		460.475		517.954	
21	50			288.871		478.525		544.522	
22	51			285.043		497.307		572.628	
23	52			280.349		516.633		602.198	
24	53			274.913		536.684		633.486	
25	54			268.344		557.304		666.489	
26	55			260.754		578.683		701.495	
27	56			252.101		600.921		738.739	
28	57			241.722		623.803		778.274	
29	58			230.002		647.696		820.569	
30	59			216.516		672.579		865.888	
31	60			201.420		698.722		914.684	
32	61			184.821		726.370		967.414	
33	62			166.094		755.534		1.024.441	
34	63			145.726		786.621		1.085.164	
35	64			123.180		819.751		1.149.530	
36	65			90.508		853.724		1.217.759	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 5
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi đảm bảo	Giá trị tài khoản minh họa tại các mức lãi suất							
				Tại mức lãi suất cam kết		Tại mức lãi suất 5%/năm		Tại mức lãi suất 6%/năm			
				Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	
37	66			53.178			890.296			1.290.081	
38	67			12.208			930.103			1.366.743	
39	68		(*)	(*)		(*)	973.668			1.448.004	
40	69						1.021.199			1.534.142	
41	70						1.071.519			1.625.447	
42	71						1.124.356			1.722.230	
43	72						1.179.834			1.824.821	
44	73						1.238.087			1.933.567	
45	74						1.299.252			2.048.838	
46	75						1.363.475			2.171.025	
47	76						1.430.909			2.300.543	
48	77						1.501.716			2.437.833	
49	78						1.576.062			2.583.360	
50	79						1.654.126			2.737.618	
51	80						1.736.093			2.901.132	
52	81						1.822.158			3.074.457	
53	82						1.912.526			3.258.181	
54	83						2.007.413			3.452.928	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 5
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi đảm bảo	Giá trị tài khoản minh họa tại các mức lãi suất						
				Tại mức lãi suất cam kết		Tại mức lãi suất 5%/năm		Tại mức lãi suất 6%/năm		
				Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng
55	84						2.107.045		3.659.361	
56	85						2.211.658		3.878.179	
57	86						2.321.501		4.110.127	
58	87						2.436.837		4.355.991	
59	88						2.557.939		4.616.608	
60	89						2.685.097		4.892.861	
61	90						2.818.612		5.185.689	
62	91						2.958.804		5.496.088	
63	92						3.106.005		5.825.110	
64	93						3.260.565		6.173.873	
65	94						3.422.854		6.543.562	
66	95						3.593.258		6.935.433	
67	96						3.772.181		7.350.816	
68	97						3.960.051		7.791.121	
69	98						4.157.314		8.257.845	
70	99						4.364.440		8.752.573	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 5

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



Lưu ý:

1. Phí bảo hiểm dự tính bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm.
2. Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
3. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.
4. Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 5
Phiên bản
Dãy số kiểm tra